

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Chaipatr Srivisarvacha	Chủ tịch
Ông Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Trương Gia Bảo	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên
Bà Kittivalai Charoensombut-Amorn	Thành viên
Bà Duangrat Watanapongchat	Thành viên
Ông Suk Min Suk	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Trương Gia Bảo	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Minh Hào	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Kiều Yến	Thành viên
Ông Somporn Sasiroj	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Số. 116 /VNIA-HC- BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 11 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 21. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Huỳnh Thanh Phương
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2061-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		322.556.136.350	330.654.652.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	112.054.461.307	153.701.706.296
1. Tiền	111		7.154.461.307	21.576.706.296
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.900.000.000	132.125.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	165.945.273.555	160.566.212.150
1. Đầu tư ngắn hạn	121		166.552.430.298	160.577.254.722
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(607.156.743)	(11.042.572)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	42.614.227.984	14.630.771.912
1. Trả trước cho người bán	132		167.072.000	67.072.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		34.745.554.006	5.501.469.986
3. Các khoản phải thu khác	138		8.701.601.978	10.062.229.926
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	7	1.516.352.760	1.516.352.760
1. Hàng tồn kho	141		1.516.352.760	1.516.352.760
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		425.820.744	239.609.422
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		414.205.744	239.009.422
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.615.000	600.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		10.202.329.105	12.082.282.257
I. Tài sản cố định	220		8.232.299.780	10.051.864.837
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.563.288.483	3.362.543.712
- Nguyên giá	222		15.431.606.813	15.431.606.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.868.318.330)	(12.069.063.101)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	5.669.011.297	6.689.321.125
- Nguyên giá	228		17.242.094.894	17.242.094.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.573.083.597)	(10.552.773.769)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.970.029.325	2.030.417.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	912.781.624	973.169.719
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	306.473.781	306.473.781
3. Tài sản dài hạn khác	268		750.773.920	750.773.920
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		332.758.465.455	342.736.934.797

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		9.516.043.836	21.628.981.455
I. Nợ ngắn hạn	310		9.516.043.836	21.628.981.455
1. Phải trả người bán	312		49.987.200	49.987.200
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	32.940.094	22.421.631
3. Chi phí phải trả	316		1.237.351.883	1.355.725.156
4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	8.184.389.669	20.199.709.655
5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.111.810	1.137.813
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		10.263.180	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		323.242.421.619	321.107.953.342
I. Vốn chủ sở hữu	410		323.242.421.619	321.107.953.342
1. Vốn cổ phần	411	14	360.000.000.000	360.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(36.757.578.381)	(38.892.046.658)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		332.758.465.455	342.736.934.797

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG

	Mã số	30/6/2014	31/12/2013
Lưu ký chứng khoán Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	31.553.857	23.466.573



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu	01		13.763.401.034	14.019.279.339
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		735.138.326	215.065.618
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.689.871.440	2.121.400
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	15.720.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		400.000	200.000
- Doanh thu khác	01.9	16	11.337.991.268	13.786.172.321
2. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		13.763.401.034	14.019.279.339
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		(6.112.984.495)	(3.391.934.827)
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		7.650.416.539	10.627.344.512
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(5.523.341.916)	(5.511.139.101)
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.127.074.623	5.116.205.411
7. Thu nhập khác	31		7.393.654	-
8. Chi phí khác	32		-	(11.893.484)
9. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		7.393.654	(11.893.484)
10. Lợi nhuận trước thuế	50		2.134.468.277	5.104.311.927
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	-
12. Lợi nhuận sau thuế	60		2.134.468.277	5.104.311.927
13. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	<u>59</u>	<u>142</u>



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.134.468.277	5.104.311.927
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.819.565.057	1.986.934.960
Các khoản dự phòng	03	596.114.171	4.688.665
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.701.601.978)	(13.703.296.454)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(151.454.473)	(6.607.360.902)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(29.261.569.094)	(1.967.431.196)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(12.112.937.619)	(11.232.832.962)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(114.808.227)	236.566.758
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.640.769.413)	(19.571.058.302)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	-	(108.875.461)
2. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(159.023.371.729)	(40.425.000.000)
3. Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	153.048.196.153	81.919.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	5.968.700.000	10.739.189.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.475.576)	52.124.314.477
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	(41.647.244.989)	32.553.256.175
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	153.701.706.296	120.702.106.575
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>112.054.461.307</u>	<u>153.255.362.750</u>



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

	Vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	360.000.000.000	(47.300.683.394)	312.699.316.606
Lợi nhuận trong năm	-	8.408.636.736	8.408.636.736
Số dư tại ngày 31/12/2013	360.000.000.000	(38.892.046.658)	321.107.953.342
Lợi nhuận trong kỳ	-	2.134.468.277	2.134.468.277
Số dư tại ngày 30/6/2014	360.000.000.000	(36.757.578.381)	323.242.421.619



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 30 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, và các khoản ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty là tất cả các khoản công nợ bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả cổ tức.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Các khoản cổ tức nhận bằng tiền được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với phần phát sinh trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần phát sinh kể từ ngày mua. Các khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu được theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán. Công ty không ghi nhận tăng khoản đầu tư cũng như doanh thu cổ tức cho khoản cổ tức bằng cổ phiếu này trong kỳ. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra. Các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và các chi phí khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	6 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến tám năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bản quyền và phần mềm của thiết bị bảo mật và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi Công ty nhận được kết quả giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Các khoản cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản cổ tức này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	12.691.527	45.422.815
Tiền gửi ngân hàng	7.141.769.780	21.531.283.481
Trong đó: Tiền của nhà đầu tư	4.323.925.791	17.989.391.339
Các khoản tương đương tiền	104.900.000.000	132.125.000.000
	112.054.461.307	153.701.706.296

Tiền gửi ngân hàng bao gồm cả số tiền của nhà đầu tư tại tài khoản ngân hàng của Công ty là 4.323.925.791 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 17.989.391.339 đồng).

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn ba tháng và một tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 5,7%/năm (năm 2013: 7,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Giá trị theo số sách kế toán VND	So với giá thị trường Tăng VND	Giảm VND	Giá thị trường VND	Dự phòng VND
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	7.502.430.298	75.045.145	(607.156.743)	6.970.318.701	(607.156.743)
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	159.050.000.000	-	-	159.050.000.000	-
	166.552.430.298	75.045.145	(607.156.743)	166.020.318.701	(607.156.743)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Giá trị theo số sách kế toán VND	So với giá thị trường Tăng VND	Giảm VND	Giá thị trường VND	Dự phòng VND
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	2.577.254.722	11.192.850	(11.042.572)	2.577.405.000	(11.042.572)
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	158.000.000.000	-	-	158.000.000.000	-
	160.577.254.722	11.192.850	(11.042.572)	160.577.405.000	(11.042.572)

(i) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại các Sở giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số phát sinh trong năm			30/6/2014		Dự phòng đã trích lập VND	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND		Số quá hạn VND
1. Trả trước cho người bán	67.072.000	-	100.000.000	-	167.072.000	-	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5.501.469.986	-	369.244.419.123	340.000.335.103	34.745.554.006	-	
- Phải thu khách hàng về phí môi giới chứng khoán	2.301.767	-	228.522.006	227.152.181	3.671.592	-	
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	1.365.780.474	-	262.857.651.898	260.816.133.102	3.407.299.270	-	
- Phải thu hoạt động ứng trước	178.008.020	-	29.437.652.564	29.387.922.557	227.738.027	-	
- Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ	3.955.379.725	-	76.720.592.655	49.569.127.263	31.106.845.117	-	
3. Các khoản phải thu khác	10.062.229.926	2.000.000.000	9.821.072.200	11.181.700.148	8.701.601.978	2.000.000.000 (1.000.000.000)	
- Lãi tiền gửi	5.968.700.000	-	9.499.200.000	10.990.805.222	4.477.094.778	-	
- Cổ tức	-	-	321.872.200	97.365.000	224.507.200	-	
- Phải thu khác (*)	4.093.529.926	2.000.000.000	-	93.529.926	4.000.000.000	2.000.000.000 (1.000.000.000)	
Tổng các khoản phải thu	15.630.771.912	-	379.165.491.323	351.182.035.251	43.614.227.984	-	
	(1.000.000.000)	-	-	-	(1.000.000.000)	-	
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	14.630.771.912	2.000.000.000	379.165.491.323	351.182.035.251	42.614.227.984	2.000.000.000 (1.000.000.000)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNGSố 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(*) Đây chủ yếu là phải thu khác từ Ông Đoàn Quang Sang - cổ đông của Công ty, là giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Ông Nguyễn Thành Chung. Trước đó, Ông Nguyễn Thành Chung nộp tiền góp vốn mua cổ phần vào Công ty nhưng đứng dưới tên cổ đông sáng lập Ông Đoàn Quang Sang. Sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập, Ông Chung đề nghị Ông Sang chuyển trả 400.000 cổ phần (tương đương 4 tỷ đồng mệnh giá) cho Ông Chung, nhưng Ông Sang từ chối vì cho rằng Ông Chung còn nợ Ông Sang một số tiền. Ông Sang sau đó đã dùng 200.000 cổ phần trong tổng số 400.000 cổ phần đứng tên giúp Ông Chung để cản trở số tiền mà Ông Chung nợ Ông Sang. Không nhận được cổ phiếu, Ông Chung đã khởi kiện Công ty để đòi lại 4 tỷ đồng đã nộp mua cổ phần và Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của Ông Chung. Công ty đã trả cho Ông Nguyễn Thành Chung giá trị của khoản vốn góp 4 tỷ đồng theo bản án phúc thẩm số 10/2012/KDTM-PT vào ngày 12 tháng 10 năm 2012. Tiếp theo việc này, Công ty đã làm việc trực tiếp với Ông Sang và đã đạt được thỏa thuận với Ông Đoàn Quang Sang là người có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền 4 tỷ đồng mà Công ty đã trả cho Ông Chung như đề cập trên đây. Ông Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 đồng) hiện ông Sang đang đứng tên trong sổ cổ đông cho Ông Trương Gia Bảo - Tổng Giám đốc và đại diện pháp luật của Công ty. Hai bên vẫn đang làm việc để tìm hướng xử lý tốt nhất đối với 200.000 cổ phiếu còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng).

Tuy vậy, đến nay Ông Sang vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã tiến hành nộp đơn khởi kiện Ông Sang ra Tòa án có thẩm quyền để thu hồi toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng). Ngày 10 tháng 7 năm 2014, vụ án đã được thụ lý và được chuyển lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành thủ tục tố tụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty vẫn chưa thu hồi được 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng), Công ty đã trích lập 50% giá trị khoản phải thu của 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 1.000.000.000 đồng).

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị của 2.000 thiết bị bảo mật tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	14.080.608.038	856.829.546	494.169.229	15.431.606.813
Tại ngày 30/6/2014	14.080.608.038	856.829.546	494.169.229	15.431.606.813
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	(11.085.549.344)	(615.048.038)	(368.465.719)	(12.069.063.101)
Khấu hao trong kỳ	(729.955.381)	(42.667.324)	(26.632.524)	(799.255.229)
Tại ngày 30/6/2014	(11.815.504.725)	(657.715.362)	(395.098.243)	(12.868.318.330)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	2.265.103.313	199.114.184	99.070.986	2.563.288.483
Tại ngày 31/12/2013	2.995.058.694	241.781.508	125.703.510	3.362.543.712

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.577.171.397 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.577.171.397 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNGSố 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	17.242.094.894
Tại ngày 30/6/2014	17.242.094.894
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	(10.552.773.769)
Khấu hao trong kỳ	(1.020.309.828)
Tại ngày 30/6/2014	(11.573.083.597)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2014	5.669.011.297
Tại ngày 31/12/2013	6.689.321.125

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhỏ hơn 30 triệu đồng	304.182.358	325.980.575
Chi phí di dời, lắp đặt và sửa chữa văn phòng	444.722.533	443.141.264
Bản quyền và phần mềm của thiết bị bảo mật	39.124.800	117.374.400
Chi phí trả trước dài hạn khác	124.751.933	86.673.480
	<u>912.781.624</u>	<u>973.169.719</u>

11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán thể hiện số tiền nộp vào Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD") vào ngày báo cáo.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân	32.940.094	22.376.176
Các loại thuế khác	-	45.455
	<u>32.940.094</u>	<u>22.421.631</u>

13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	3.860.463.878	2.210.318.316
Phải trả nhà đầu tư	4.323.925.791	17.989.391.339
	<u>8.184.389.669</u>	<u>20.199.709.655</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNGSố 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. VỐN CỔ PHẦN**

	30/6/2014	31/12/2013
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	360.000.000.000	360.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Danh sách các cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Seamico Securities PLC	-	-	67.965.000.000	67.965.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư				
Thương mại Thành Công	35.000.000.000	9.72	89.117.000.000	89.117.000.000
Công ty TNHH Ngọc Phong	10.000.000.000	2.78	10.000.000.000	10.000.000.000
Đoàn Quang Sang	12.500.000.000	3.47	2.000.000.000	2.000.000.000
Chung Văn Đạt	12.500.000.000	3.47	5.050.000.000	5.050.000.000
Công Ty TNHH 4 Oranges	-	-	49.530.000.000	49.530.000.000
Công ty TNHH Eland	-	-	20.740.000.000	20.740.000.000

15. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Về mặt địa lý thì Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

16. DOANH THU KHÁC

Doanh thu khác chủ yếu là khoản thu nhập tiền gửi từ các khoản ký gửi ngân hàng ngắn hạn trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.134.468.277	5.104.311.927
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (13.200)	(13.200)	(2.121.400)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	215.549.727	350.856.600
Thu nhập chịu thuế	2.350.004.804	5.453.047.127
Lỗi tính thuế mang sang (2.350.004.804)	(2.350.004.804)	(5.453.047.127)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 19.063.618.396 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.413.623.200 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế của Công ty sẽ hết hạn trong vòng năm năm kể từ năm liền kề sau năm phát sinh khoản lỗ tính thuế.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
2014	9.433.203.240	11.783.208.044
2015	9.630.415.156	9.630.415.156
	19.063.618.396	21.413.623.200

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận sau thuế	2.134.468.277	5.104.311.927
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.134.468.277	5.104.311.927
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	59	142

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.598.752.023	1.444.941.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	2.791.757.232	3.288.182.040
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.395.878.616	3.050.702.226
	<u>4.187.635.848</u>	<u>6.338.884.266</u>

Tổng khoản phải trả tiền thuê của Công ty cho 342 m² của lầu 3, Tòa nhà Centec, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với phí thuê hàng tháng là 480.240 đồng/m² và phí dịch vụ 125.280 đồng/m². Phụ lục hợp đồng thuê được ký cho thời hạn 3 năm từ 01 tháng 12 năm 2012.

Tổng khoản phải trả tiền thuê của Công ty cho 62 m² của lầu 5, Tòa nhà Centec, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với phí thuê hàng tháng là 501.120 đồng/m² và phí dịch vụ 125.280 đồng/m². Phụ lục hợp đồng thuê được ký cho thời hạn 1,5 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2012. Từ ngày 01 tháng 6 2014, Công ty không tiếp tục thuê mặt bằng này.

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty chỉ bao gồm phần vốn của các cổ đông, bao gồm vốn cổ phần và lỗ lũy kế.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.730.535.516	135.712.314.957
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.447.155.984	14.563.699.912
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	165.945.273.555	160.566.212.150
Các khoản ký quỹ dài hạn	750.773.920	750.773.920
	<u>316.873.738.975</u>	<u>311.593.000.939</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	60.250.380	49.987.200
Chi phí phải trả	1.237.351.883	1.355.725.156
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	8.184.389.669	20.199.709.655
Phải trả cổ tức	1.111.810	1.137.813
	<u>9.483.103.742</u>	<u>21.606.559.824</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNGSố 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. theo đó. Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ ("USD")	-	-	49.987.200	49.987.200

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam giảm/tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ ("USD")	4.998.720	4.998.720

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty áp dụng chính sách chỉ giao dịch với các khách hàng có chỉ số tín dụng đáng tin cậy và yêu cầu đảm bảo trong các trường hợp cần thiết, như là một phương tiện hạn chế rủi ro tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNGSố 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.730.535.516	-	107.730.535.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.447.155.984	-	42.447.155.984
Đầu tư tài chính ngắn hạn	165.945.273.555	-	165.945.273.555
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	750.773.920	750.773.920
	316.122.965.055	750.773.920	316.873.738.975
Phải trả người bán và phải trả khác	60.250.380	-	60.250.380
Chi phí phải trả	1.237.351.883	-	1.237.351.883
Phải trả liên quan đến giao dịch chứng khoán	8.184.389.669	-	8.184.389.669
Phải trả cổ tức	1.111.810	-	1.111.810
	9.483.103.742	-	9.483.103.742
Chênh lệch thanh khoản thuần	306.639.861.313	750.773.920	307.390.635.233
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.712.314.957	-	135.712.314.957
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.563.699.912	-	14.563.699.912
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160.566.212.150	-	160.566.212.150
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	750.773.920	750.773.920
	310.842.227.019	750.773.920	311.593.000.939
Phải trả người bán và phải trả khác	49.987.200	-	49.987.200
Chi phí phải trả	1.355.725.156	-	1.355.725.156
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20.199.709.655	-	20.199.709.655
Phải trả cổ tức	1.137.813	-	1.137.813
	21.606.559.824	-	21.606.559.824
Chênh lệch thanh khoản thuần	289.235.667.195	750.773.920	289.986.441.115

Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

21. GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
Các giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn giao dịch:		
a) Của Công ty	3.419.700	74.600.872.000
b) Của nhà đầu tư	42.610.703	470.403.991.500

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Seamico Securities PLC	Cổ đông		
Đoàn Quang Sang	Cổ đông		
Chi phí hội hợp trả cho Seamico Securities PLC		<u>79.817.999</u>	<u>90.000.000</u>
Sổ dư với các bên liên quan:			
		30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khác từ ông Đoàn Quang Sang (Thuyết minh số 6)		4.000.000.000	4.000.000.000
Chi phí trích trước trả cho Seamico Securities PLC		<u>60.214.383</u>	<u>50.762.656</u>



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng